

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

**Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
đã được soát xét**

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPĐCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hồng Sự	Chủ tịch
Ông Đặng Đức Thành	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Quang Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Dương Văn Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Phú Cường	Ủy viên
Ông Vũ Văn Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Phương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Hoàng Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Văn Khởi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010



Số: 765/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt được lập ngày 30 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng do không có cơ sở xác định giá trị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản mục đầu tư cổ phiếu này là hợp lý tại thời điểm 30/06/2010.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2010

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		290.065.200.662	283.318.836.984
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		54.410.554.255	58.561.275.233
111	1. Tiền	4	26.910.554.255	9.561.275.233
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.500.000.000	49.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	135.650.200.945	36.174.413.796
121	1. Đầu tư ngắn hạn		141.692.945.281	38.400.724.395
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(6.042.744.336)	(2.226.310.599)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	98.588.939.998	188.026.282.883
131	1. Phải thu của khách hàng		1.938.610.834	1.871.377.558
132	2. Trả trước cho người bán		7.476.270.171	564.507.601
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		25.853.200.000	20.169.590.608
138	5. Các khoản phải thu khác		63.625.358.993	165.725.307.116
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(304.500.000)	(304.500.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.415.505.464	556.865.072
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	290.961.048	70.957.178
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.124.544.416	485.907.894
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.625.248.645	107.670.235.968
220	II. Tài sản cố định		5.197.425.211	6.447.537.040
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.862.714.580	3.755.546.847
222	- Nguyên giá		8.418.124.751	8.331.587.751
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.555.410.171)	(4.576.040.904)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	2.334.710.631	2.691.990.193
228	- Nguyên giá		4.007.652.753	3.735.402.753
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.672.942.122)	(1.043.412.560)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	37.202.991.000	97.473.910.300
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		37.202.991.000	101.204.958.200
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(3.731.047.900)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.224.832.434	3.748.788.628
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	621.469.144	1.203.144.581
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	431.187.910	373.468.667
268	4. Tài sản dài hạn khác	13	1.172.175.380	2.172.175.380
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		334.690.449.307	390.989.072.952

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		127.962.368.477	192.231.925.254
310	I. Nợ ngắn hạn		127.849.333.539	192.106.839.949
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	8.000.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		384.665.161	407.009.161
313	3. Người mua trả tiền trước		285.000.000	15.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	495.766.442	976.939.567
315	5. Phải trả người lao động		283.908.355	1.917.302
316	6. Chi phí phải trả	16	359.861.818	490.448.903
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	11.342.960.481	11.444.498.526
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		767.269.437	834.677.721
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.614.855.895)	(1.582.855.895)
328	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	107.544.757.740	179.519.204.664
330	II. Nợ dài hạn		113.034.938	125.085.305
333	3. Phải trả dài hạn khác		56.782.065	56.782.065
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		56.252.873	68.303.240
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		206.728.080.830	198.757.147.698
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	206.728.080.830	198.757.147.698
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.220.000.000	62.220.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		231.817.946	231.817.946
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.276.262.884	1.305.329.752
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		334.690.449.307	390.989.072.952

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
	- USD		51,42	51,42
	- EUR		50,96	50,96
	- JPY		6,05	6,05
006	6. Chứng khoán lưu ký		467.982.880.000	384.820.250.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		397.156.020.000	365.240.410.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		22.101.710.000	25.164.440.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		374.683.360.000	340.075.970.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		370.950.000	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		48.168.060.000	14.218.760.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	14.218.760.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		48.168.060.000	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		10.000.000.000	5.020.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		10.000.000.000	5.020.000.000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ		-	341.080.000
026	- Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác		-	341.080.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		12.658.800.000	-
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		1.030.000.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		11.628.800.000	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		11.634.530.000	10.824.390.000



NTTh
Nguyễn Thị Thu Hòa
Kế toán trưởng


NTTh
Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc


Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến	Từ 01/01/2009 đến
			30/06/2010	30/06/2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	28.289.797.216	16.346.902.712
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		6.421.577.113	3.984.823.933
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		14.598.613.913	9.106.403.960
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	2.093.400
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.568.217.523	126.518.182
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	145.000.000
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	41.360.000
01.9	Doanh thu khác		5.701.388.667	2.940.703.237
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		28.289.797.216	16.346.902.712
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	10.313.977.034	2.469.806.619
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		17.975.820.182	13.877.096.093
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	9.255.432.674	9.304.824.907
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.720.387.508	4.572.271.186
31	8. Thu nhập khác		3.214.677	7.669.048
32	9. Chi phí khác		24.056.111	557.376.787
40	10. Lợi nhuận khác		(20.841.434)	(549.707.739)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.699.546.074	4.022.563.447
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	728.612.942	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.970.933.132	4.022.563.447
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		590	298


Nguyễn Thị Thu Hòa
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến	Từ 01/01/2009 đến
			30/06/2010	30/06/2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.699.546.074	4.022.563.447
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.608.898.829	1.309.847.779
03	Các khoản dự phòng		85.385.837	(14.263.546.700)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.405.017.423)	-
06	Chi phí lãi vay		2.006.658.081	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		5.995.471.398	(8.931.135.474)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		88.208.706.363	(3.233.840.728)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(39.290.253.686)	21.744.214.824
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(71.715.479.066)	7.330.143.725
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		361.671.567	742.058.166
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.911.658.081)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.345.690.653)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.247.280.000	11.789.977.371
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.746.999.243)	(14.871.867.321)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(18.196.951.401)	14.569.550.563
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(358.787.000)	(549.928.800)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.405.017.423	3.152.310.762
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.046.230.423	2.602.381.962
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8.000.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.150.720.978)	17.171.932.525
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		58.561.275.233	66.002.212.828
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ		54.410.554.255	83.174.145.353

Nguyễn Thị Thu Hòa
Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPĐCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Tầng 3A Toà nhà Bến Thành, 186-188 Lê Thánh Tôn, Quận I, TP HCM	Môi giới chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	03	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
Của Công ty Chứng khoán	7.973.970	379.844.311.650
- Cổ phiếu	7.973.970	379.844.311.650
Của người đầu tư	79.498.775	2.919.381.061.000
- Cổ phiếu	79.498.775	2.919.381.061.000
	87.472.745	3.299.225.372.650

4 . TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	553.288.162	395.114.828
Tiền gửi ngân hàng	918.645.763	1.906.933.238
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	-	2.790.408
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	25.438.620.330	7.256.436.759
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của Công ty	2.788.688	2.996.270
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của NĐT	25.435.831.642	7.253.440.489
	26.910.554.255	9.561.275.233

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	141.692.945.281	38.400.724.395
- Chứng khoán niêm yết	141.692.945.281	38.400.724.395
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(6.042.744.336)	(2.226.310.599)
	135.650.200.945	36.174.413.796

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 30/06/2010. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 30/06/2010.

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng do không có cơ sở xác định giá trị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản mục đầu tư cổ phiếu này là hợp lý tại thời điểm 30/06/2010.

33 -
CÔNG
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
SAO VIỆT
Y - T

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.938.610.834	1.871.377.558
Trả trước cho người bán	7.476.270.171	564.507.601
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	25.853.200.000	20.169.590.608
- Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	108.500.000	169.590.608
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	25.744.700.000	20.000.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
Phải thu nội bộ	-	-
Phải thu khác	63.625.358.993	165.725.307.116
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	5.248.241.959	-
- Ông Nguyễn Duy Ngọc	3.355.549.946	3.355.549.946
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	2.920.000.000	2.920.000.000
- Phải thu các hợp đồng hợp tác kinh doanh CK	45.146.405.869	123.228.756.000
- Cổ phiếu Vitranschart	165.950.553	165.950.553
- Phải thu cổ tức	23.424.200	23.424.200
- Môi giới đầu tư mua Cổ phiếu chưa niêm yết	6.000.000.000	6.000.000.000
- Thuế TNCN phải thu KH	6.478.834	6.478.834
- Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Sài Gòn	-	1.530.040.323
- Phải thu khác	759.307.632	28.495.107.260
Dự phòng ngắn hạn nợ phải thu khó đòi	(304.500.000)	(304.500.000)
	<u>98.588.939.998</u>	<u>188.026.282.883</u>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Giá trị công cụ, dụng cụ	-	5.474.501
Các loại phí sử dụng trong giao dịch chứng khoán	137.000.000	-
Chi phí quảng cáo	140.075.000	-
Chi phí trả trước khác	13.886.048	65.482.677
	<u>290.961.048</u>	<u>70.957.178</u>

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	4.414.497.701	1.556.576.019	2.360.514.031	8.331.587.751
Số tăng trong kỳ	86.537.000	-	-	86.537.000
- Mua sắm mới	86.537.000	-	-	86.537.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.501.034.701	1.556.576.019	2.360.514.031	8.418.124.751
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.104.065.498	610.941.920	1.861.033.486	4.576.040.904
Số tăng trong kỳ	512.062.075	169.794.168	297.513.024	979.369.267
- Trích khấu hao	512.062.075	169.794.168	297.513.024	979.369.267
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.616.127.573	780.736.088	2.158.546.510	5.555.410.171
Giá trị còn lại				
Đầu kỳ	2.310.432.203	945.634.099	499.480.545	3.755.546.847
Cuối kỳ	1.884.907.128	775.839.931	201.967.521	2.862.714.580

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	3.735.402.753
Số tăng trong kỳ	272.250.000
- Mua sắm mới	272.250.000
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	4.007.652.753
Giá trị đã hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.043.412.560
Số tăng trong kỳ	629.529.562
- Trích khấu hao	629.529.562
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	1.672.942.122
Giá trị còn lại	
Đầu kỳ	2.691.990.193
Cuối kỳ	2.334.710.631

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
135.000.000.000	Nguyên giá	12.425.777.504	0,09
	Khấu hao	(7.228.352.293)	
	Giá trị còn lại	5.197.425.211	0,04

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	37.202.991.000	101.204.958.200
- Chứng khoán chưa niêm yết	37.202.991.000	101.204.958.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	(3.731.047.900)
	37.202.991.000	97.473.910.300

(*) Tại thời điểm ngày 30/06/2010, do không có cơ sở để xác định đầy đủ giá giao dịch đối với các cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường nên Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí cải tạo nội thất sàn	308.493.309	492.386.103
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	25.427.527	577.681.546
Chi phí sửa lắp đặt mạng máy tính	72.085.578	11.503.060
Chi phí xây dựng phòng giao dịch	205.928.192	121.573.872
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.534.538	-
	621.469.144	1.203.144.581

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	373.468.667	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	-	253.468.667
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	57.719.243	-
Số cuối kỳ	431.187.910	373.468.667

13 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Công ty Cổ phần TM Cầu Giấy	302.530.140	302.530.140
- Công ty CP ĐTPT Đô Thị & KCN Sông Đà Sudico	-	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần TM Căn nhà mơ ước	120.000.000	120.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sông Đà	500.000.000	500.000.000
- Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành	249.645.240	249.645.240
	1.172.175.380	2.172.175.380

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	8.000.000.000	-
- Vay ngân hàng	8.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Hà Nội (1)	3.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Sở giao dịch TP HCM (2)	5.000.000.000	-
Cộng	8.000.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1) Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm bằng tiền số 034.100.04.15 ngày 17 tháng 05 năm 2010 với Ngân hàng TMCP Phương Đông Chi nhánh Hà Nội - PGD Sao Việt với các điều khoản như sau:

- + Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: hạch toán chi phí hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 66 ngày từ ngày 17/05/2010 đến ngày 22/07/2010;
- + Lãi suất cho vay: trong hạn là 15,5%/năm; quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cầm cố (các) tài sản và các lợi tức phát sinh thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty được liệt kê sau đây: số dư tài khoản tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi số 0027.34.001.10 ngày 22/04/2010 do Ngân hàng TMCP Phương Đông Chi nhánh Hà Nội phát hành. Tổng giá trị hợp đồng tiền gửi là 5.145.347.222 đồng;

(2) Hợp đồng tín dụng số LD 10 180 00190 ngày 29 tháng 06 năm 2010 với Ngân hàng TMCP Phương Đông Sở giao dịch TP Hồ Chí Minh với các điều khoản như sau:

- + Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 28 ngày từ ngày 29/06/2010 đến ngày 27/07/2010;
- + Lãi suất cho vay: trong hạn là 13,9%/năm; quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng tiền gửi số 0027.60.00000.033.005 (số cũ: 0021.27.001.10) ngày 06/05/2010 do Ngân hàng TMCP Phương Đông - PGD Đồng Khởi HCM phát hành. Tổng giá trị hợp đồng tiền gửi là 8.000.000.000 đồng;

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT	204.033	10.624.421
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	309.731.585	926.809.296
Thuế TNCN	185.830.824	39.505.850
	495.766.442	976.939.567

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí tiền lương	-	345.574.916
Chi phí kiểm toán	-	80.000.000
Chi phí thuê VP	81.261.818	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	183.600.000	-
Chi phí lãi vay	95.000.000	-
Chi phí phải trả khác	-	64.873.987
	359.861.818	490.448.903

17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	92.960.481	194.498.526
Phải trả khách hàng về giao dịch chứng khoán	11.250.000.000	11.250.000.000
	11.342.960.481	11.444.498.526

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	134.683.582	109.342.814
Bảo hiểm xã hội	68.377.846	43.023.178
Bảo hiểm y tế	26.396.193	19.223.025
Bảo hiểm thất nghiệp	11.818.996	19.799.088
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	15.912.672.592	86.959.122.827
Các khoản phải trả, phải nộp khác	91.390.808.531	92.368.693.732
- Môi giới đầu tư mua Cổ phiếu chưa niêm yết	6.000.000.000	6.000.000.000
- Phải trả theo các Hợp đồng HTKD	82.189.000.000	80.000.000.000
- BIDV Ba Đình giải ngân vay cầm cố (phải trả NĐT)	679.120.033	679.120.033
- Tiền nhà đầu tư nộp mua phát hành thêm CP cho TTLK	2.311.007.530	925.231.330
- Khác	211.680.968	4.764.342.369
	107.544.757.740	179.519.204.664

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	62.220.000.000	-	-	62.220.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	231.817.946	-	-	231.817.946
Lợi nhuận sau thuế chưa PP	1.305.329.752	7.970.933.132	-	9.276.262.884
	198.757.147.698	7.970.933.132	-	206.728.080.830

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	135.000.000.000	135.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	28.289.797.216	16.346.902.712
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.421.577.113	3.984.823.933
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	14.598.613.913	9.106.403.960
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	2.093.400
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.568.217.523	126.518.182
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	145.000.000
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	41.360.000
- Doanh thu khác	5.701.388.667	2.940.703.237
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	28.289.797.216	16.346.902.712

21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.793.622.452	662.392.027
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.012.117.215	15.922.010.283
Chi phí hoạt động tư vấn	363.298.000	103.000.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	53.271.091	43.301.009
Chi phí dự phòng	85.385.837	(14.263.546.700)
Chi phí khác	2.006.282.439	2.650.000
	10.313.977.034	2.469.806.619

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.516.065.778	3.162.336.673
Chi phí vật liệu quản lý	51.181.331	31.096.000
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	537.836.660	965.534.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.608.898.829	1.483.221.837
Thuế, phí và lệ phí	82.284.964	271.104.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.719.577.261	2.870.381.494
Chi phí khác bằng tiền	739.587.851	521.149.999
	9.255.432.674	9.304.824.907

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.699.546.074	4.022.563.447
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	266.423.742	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Chi phí không được trừ khi tính thuế	266.423.742	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Cổ tức	(1.862.884.200)	-
+ Hoàn nhập dự phòng chứng khoán OTC (cơ quan thuế đã loại ra khỏi chi phí hợp lý tính thuế TNDN năm 2007)	(3.130.000.000)	-
+ Lỗ năm trước chuyển sang	(1.325.057.592)	(41.557.532.291)
Tổng lợi nhuận tính thuế	2.914.451.766	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	728.612.942	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	728.612.942	-

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	30/06/2010	30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.970.933.132	4.022.563.447
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.970.933.132	4.022.563.447
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	590	298

NG T
 HEM H
 WU TU
 NH KÉ
 KIEM T

CH N

C. 7
 TY
 AN
 HO
 IET
 TP.

25. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	6.421.577.113	14.598.613.913	5.701.388.667	1.568.217.523	28.289.797.216
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	-	-	-	-	8.720.387.508
Tài sản bộ phận	25.435.831.642	172.853.191.945	103.747.847.828	-	302.036.871.415
Tài sản không phân bổ					32.653.577.892
Tổng tài sản	25.435.831.642	172.853.191.945	103.747.847.828	-	334.690.449.307
Nợ phải trả của các bộ phận	16.772.902.510	-	101.439.000.000	-	118.211.902.510
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	9.750.465.967
Tổng nợ phải trả	16.772.902.510	-	101.439.000.000	-	127.962.368.477

b) Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam



26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).


Một số chi tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chính sách kế toán.

Do Quỹ khen thưởng, phúc lợi trước đây được phản ánh trong chi tiêu Vốn chủ sở hữu và từ ngày 01/01/2010 được phản ánh trên chi tiêu Nợ ngắn hạn.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Trình bày trên BCTC năm trước</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	192.231.925.254	193.814.781.149
Nợ ngắn hạn	310	192.106.839.949	193.689.695.844
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	198.757.147.698	197.174.291.803




Nguyễn Thị Thu Hòa
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2010

